

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

Năm báo cáo: 2016

Quảng Ninh, tháng 3 năm 2017



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin
Năm báo cáo: 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch tiếng Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH – VINACOMIN

- Tên giao dịch nước ngoài:

VINACOMIN - VANG DANHCOAL JOINT STOCK COMPANY

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700101877

- Vốn điều lệ: 449.628.640.000 VNĐ (Bốn trăm bốn mươi chín tỷ, sáu trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng);

- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 491.871.706.833 (bốn trăm chín mươi một tỷ, tám trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm linh sáu nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

- Địa chỉ: Số 185 Nguyễn Văn Cừ, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

- Số điện thoại: 033.3853.104 fax: 033.3853120

- Email: vangdanhcoal@vnn.vn

- Website: <http://vangdanhcoal.com.vn>

- Mã cổ phiếu: TVD

- Quá trình hình thành và phát triển

+ Tiền thân CTCP Than Vàng Danh -Vinacomin là Mỏ than Vàng Danh được thành lập theo Quyết định số: 262/BCNNg-KB2 ngày 06/06/1964 của Bộ Công nghiệp nặng.

+ Ngày 17/09/1996 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) có Quyết định số 2604/QĐ/TCCB thành lập Mỏ than Vàng Danh đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Tổng công ty Than Việt Nam – nay là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

+ Ngày 01/10/2001, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam ban hành Quyết định số 405/QĐ/HĐQT của Chủ tịch HĐQT về việc đổi tên Mỏ than Vàng Danh thành Công ty Than Vàng Danh.

+ Ngày 08/11/2006, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ký Quyết định số 2458 QĐ/HĐQT về việc đổi tên từ Công ty Than Vàng Danh thành Công ty Than Vàng Danh - TKV.

+ Công ty Than Vàng Danh – TKV nằm trong danh sách các Công ty than được cổ phần hóa theo Quyết định số 1119/QĐ-BCN ngày 03/04/2007 của Bộ Công nghiệp. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 01/07/2007.



+ Tổ chức sản xuất của Công ty Than Vàng Danh được khép kín từ khâu khai thác đến chế biến, tiêu thụ than từ Vàng Danh ra Cảng Điện Công. Kể từ ngày 16/09/2007, bộ phận vận tải chính của Công ty là đường sắt 1000 ly và kho, cảng được điều động về Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam theo quyết định của TKV, Công ty chỉ còn chức năng chính là sản xuất than. Than sản xuất ra được bán duy nhất cho TKV thông qua Công ty Kho vận đá bạc –TKV theo giá bán nội bộ do TKV quy định. Việc bán than đến hộ tiêu dùng trong nước hoặc xuất khẩu do TKV thực hiện.

+ Theo Quyết định 714/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 03 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên trong đó có Công ty Vàng Danh, Công ty Than Vàng Danh đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước từ ngày 01/01/2007 và tổ chức đấu giá bán cổ phần ra công chúng vào ngày 05/03/2008 tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Công ty Than Vàng Danh – TKV chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/07/2008 với tên gọi mới là “Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – TKV”.

+ Ngày 10/01/2011, Cổ phiếu của Công ty (TVD) chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Vốn điều lệ là 152.807,9 triệu đồng.

+ Ngày 24/3/2011, theo quyết định của Đại hội cổ đông thường niên năm 2011, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

+ Ngày 01/02/2012 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu của Công ty để tăng vốn điều lệ từ 152,8 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng;

+ Ngày 22/6/2012, phần Cổ phiếu tăng thêm của (TVD) đã được niêm yết và giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

- Ngày 04/08/2014 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu của Công ty để tăng vốn điều lệ từ 149,997 tỷ đồng lên 420,35 tỷ đồng;

- Ngày 30/12/2014, phần Cổ phiếu tăng thêm của (TVD) đã được niêm yết và giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

- Ngày 21/07/2016 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu của Công ty để tăng vốn điều lệ từ 420,35 tỷ đồng lên 449,628 tỷ đồng;

- Ngày 29/08/2016, phần Cổ phiếu tăng thêm của (TVD) đã được niêm yết và giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

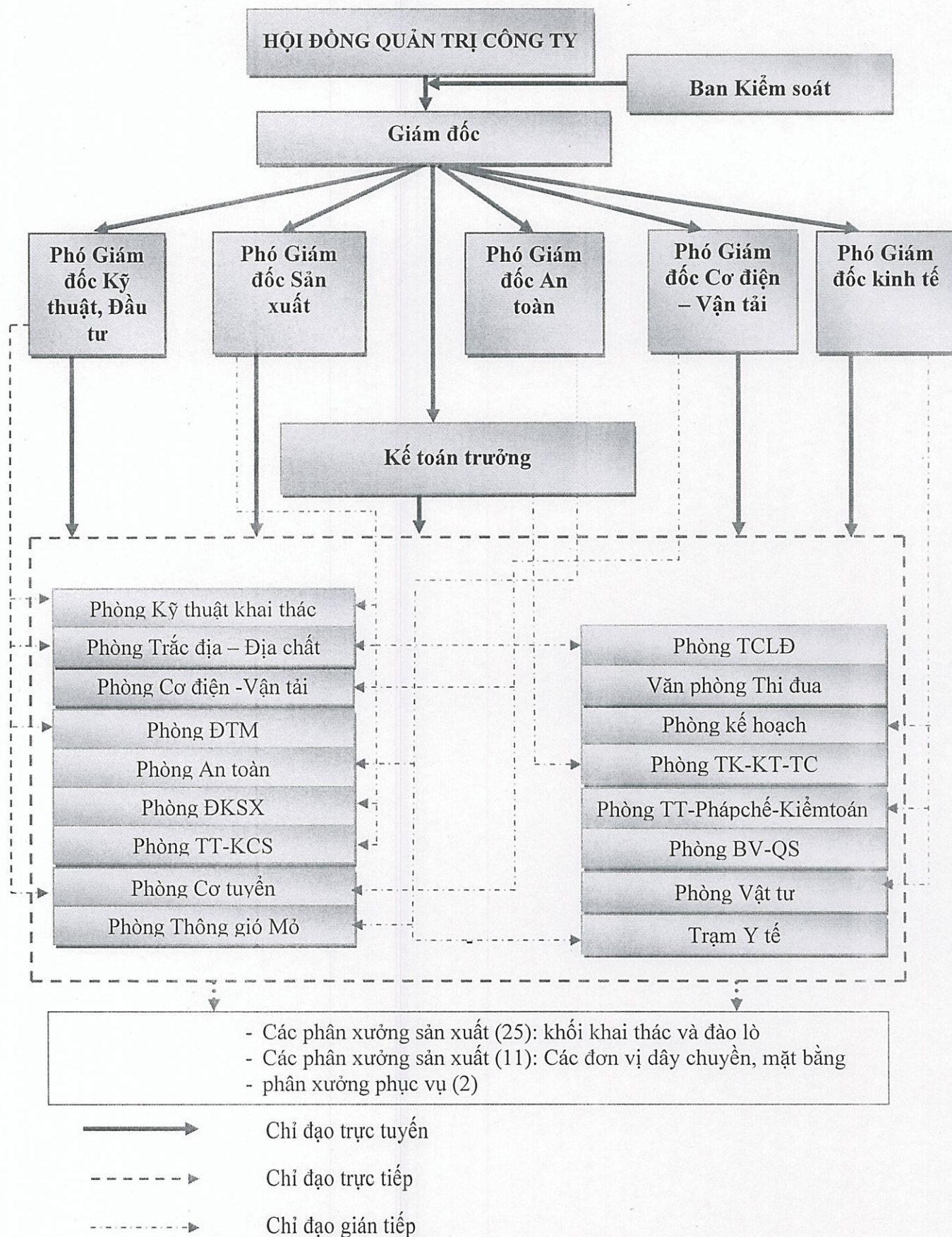
a) Ngành nghề kinh doanh chính:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than bùn;

b) Địa bàn kinh doanh: Phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a) Mô hình quản trị





- Cơ cấu bộ máy quản lý

+ Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai kỳ đại hội (theo Điều lệ Công ty quy định).

b) Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên; nhiệm kỳ là 05 (năm) năm (2013 - 2018).

c) Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng quản trị Công ty và Đại hội đồng cổ đông thông qua (quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong điều lệ Công ty).

d) Các đơn vị thuộc Công ty:

Công ty có: 16 phòng ban đơn vị chức năng, 01 trạm y tế, 25 phân xưởng khai thác và đào lò, 11 phân xưởng dây chuyền và mặt bằng, 02 đơn vị phục vụ.

Tổng số CBCNV của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016 là 5.542 người

4. Định hướng phát triển công ty

4.1. Về tổng quan ngành than Việt Nam

Khác với các ngành khác, trong ngành than, với sự quản lý và điều tiết của TKV, không có sự cạnh tranh về sản phẩm và thị trường giữa các Công ty khai thác than. Điều này đã được thể hiện tại Điều lệ Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin:

"Tài nguyên, trữ lượng than do Công ty đang khai thác là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước giao cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là đại diện chủ sở hữu Nhà nước thống nhất quản lý và không tính vào giá trị tài sản của Công ty. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giao cho Công ty quản lý tài nguyên, trữ lượng than này và hằng năm Công ty khai thác than cho Tập đoàn theo hợp đồng giữa Tập đoàn và Công ty".

Vì vậy, đối với các công ty khai thác than, thị phần tiêu thụ sẽ không được xác định. Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin cũng có vai trò quan trọng như tất cả các công ty khai thác than khác trong việc cung cấp dịch vụ khai thác, đưa nguồn năng lượng than đến các ngành công nghiệp để sử dụng và tạo ra cơ sở vật chất cho xã hội.

Tuy nhiên, xét về mức độ đóng góp của Công ty đối với TKV, thì TVD là một đơn vị đứng đầu TKV về sản lượng khai thác than hầm lò.

4.2. Về triển vọng phát triển ngành

Ngày 04/03/2016 Thủ tướng chính phủ ban hành quyết định số 403/QĐ-TTg về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030, theo đó:

a) Quan điểm phát triển



Phát triển ngành than trên cơ sở khai thác, chế biến, sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên than của đất nước; đóng góp tích cực vào việc đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; ưu tiên đáp ứng nhu cầu trong nước; bảo đảm việc xuất, nhập khẩu hợp lý theo hướng giảm dần xuất khẩu và chỉ xuất khẩu các chủng loại than trong nước chưa có nhu cầu sử dụng thông qua biện pháp quản lý bằng kế hoạch, các biện pháp điều tiết khác phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Đẩy mạnh các hoạt động điều tra cơ bản, thăm dò, đánh giá tài nguyên và trữ lượng than trong nước để chuẩn bị cơ sở tài nguyên tin cậy cho sự phát triển bền vững ngành than.

Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, đầu tư ra nước ngoài để đáp ứng đủ than cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Sản xuất và tiêu thụ than đảm bảo bền vững, đáp ứng lâu dài cho nhu cầu sử dụng trong nước; phát triển ngành than hiệu quả, đồng bộ và phù hợp với sự phát triển chung của các ngành kinh tế; đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh than. Phát huy tối đa nội lực (vốn, khả năng thiết kế, chế tạo thiết bị trong nước,...) kết hợp mở rộng hợp tác quốc tế để nghiên cứu, triển khai, ứng dụng công nghệ tiên bộ trong thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng than; áp dụng các giải pháp kỹ thuật và quản lý tiên tiến để giảm tỷ lệ tổn thất than trong khai thác; đầu tư hợp lý cho công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động, quản trị tài nguyên, quản trị rủi ro trong khai thác than.

Thực hiện kinh doanh than theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, hài hòa với thị trường than thế giới.

Phát triển ngành than gắn liền với bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái vùng than; hài hòa với phát triển du lịch, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến các khu vực bảo tồn văn hóa; đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội; gắn với nhiệm vụ củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trên địa bàn; đảm bảo an toàn trong sản xuất.

b) Mục tiêu phát triển

b1) Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng ngành than Việt Nam trở thành ngành công nghiệp phát triển; có sức cạnh tranh cao; có trình độ công nghệ tiên tiến so với khu vực ở tất cả các khâu thăm dò, khai thác, sàng tuyển, chế biến sử dụng than; đáp ứng đủ than cho nhu cầu sử dụng trong nước, đặc biệt là than cho sản xuất điện.

b2) Mục tiêu cụ thể:

- Về thăm dò than:

+ Đối với bể than Đông Bắc:

Đến hết năm 2020 hoàn thành công tác thăm dò đến mức -300 m và một số khu vực dưới mức -300m đảm bảo đủ trữ lượng và tài nguyên tin cậy huy động vào khai thác trong giai đoạn đến năm 2015. Phần đầu đến năm 2020 nâng cấp khoảng 1,0 tỷ tấn tài nguyên từ cấp 333, 334a và 334b lên cấp trữ lượng tài nguyên tin cậy (cấp 222 và cấp 332).

Phần đầu đến hết năm 2025 hoàn thành cơ bản công tác thăm dò đến đáy tầng than đảm bảo đủ trữ lượng và tài nguyên tin cậy để huy động vào thiết kế khai thác trong giai đoạn 2021 - 2030 và giai đoạn sau 2030. Phần đầu đến năm 2030 nâng cấp phần tài nguyên còn lại từ cấp 333, 334a và 334b lên cấp 222 và 332.

+ Đối với bể than sông Hồng:

Trước năm 2020 hoàn thành công tác thăm dò than khu Nam Thịnh và một phần mỏ Nam Phú II, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình để phục vụ lập và thực hiện dự án thử nghiệm.



Trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá tổng thể tài nguyên than phần đất liền bể than sông Hồng và kết quả thực hiện các dự án thử nghiệm, tiến hành thăm dò, mở rộng làm cơ sở phát triển các mỏ than ở quy mô công nghiệp với công nghệ hợp lý.

- Về khai thác than:

Sản lượng than thương phẩm toàn ngành trong giai đoạn của quy hoạch: khoảng 40-44 triệu tấn vào năm 2016; 47-50 triệu tấn vào năm 2020; 51-54 triệu tấn vào năm 2025 và 55-57 triệu tấn vào năm 2030. Trong đó bể than sông Hồng giai đoạn 2021 -2030 thực hiện dự án thử nghiệm, làm cơ sở cho việc đầu tư phát triển mỏ với quy mô công nghiệp; phần đầu sản lượng than thương phẩm (quy đổi) khoảng 0,5-1,0 triệu tấn vào năm 2030.

Sản lượng than thương phẩm toàn ngành có thể được điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu thị trường trong từng giai đoạn (kể cả việc xuất, nhập khẩu than) nhằm mục tiêu đảm bảo hiệu quả chung của nền kinh tế.

- Về tổn thất than:

Phần đầu đến năm 2020 giảm tỷ lệ tổn thất than khai thác bằng phương pháp hầm lò xuống khoảng 20% và dưới 20% sau năm 2020; tỷ lệ tổn thất than khai thác bằng phương pháp lộ thiên xuống khoảng 5% và dưới 5% sau năm 2020.

- Về sàng tuyển chế biến than:

Trước năm 2020 hoàn thành việc bố trí các cơ sở sàng tuyển vùng Quảng Ninh để tối ưu hóa công tác vận tải, sàng tuyển và phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị vùng than, quy hoạch giao thông vận tải, cảng biển và yêu cầu bảo vệ môi trường. Sau năm 2020 chế biến than theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng linh hoạt nhu cầu thị trường.

- Về bảo vệ môi trường:

Phần đầu trước năm 2020 đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn môi trường trên địa bàn các vùng mỏ.

- Về thị trường than:

Tập trung đáp ứng nhu cầu than của thị trường trong nước, kết hợp với xuất, nhập khẩu hợp lý.

4.4. Định hướng phát triển của Công ty

a) Các mục tiêu chủ yếu.

Phải tập trung đẩy mạnh tiết kiệm chi phí sản xuất, đầu tư áp dụng rộng rãi cơ giới hóa khai thác, đào lò, vận tải và sàng tuyển. Tiếp tục đầu tư cho công tác đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo thợ lành nghề, chuyên viên, cán bộ quản lý giỏi thạo việc, thạo nghề. Nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

b) Quản trị doanh nghiệp

Triển khai kế hoạch nghiên cứu tái cấu trúc doanh nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển Công ty, áp dụng phương thức quản trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả, cải thiện các quy trình vận hành của Công ty.

Thực hiện quá trình thay đổi để hiện đại hóa hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng và năng lực quản lý, tiến hành các chương trình phát triển và học tập cụ thể, sát với yêu cầu để trang bị cho cán bộ công nhân viên các kỹ năng, năng lực và kinh nghiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ và những thách thức trong việc phát triển kinh doanh;

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Hình thành và hoàn thiện các chính sách để phát triển nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, gắn bó với doanh nghiệp, có trách nhiệm với Công ty và với cổ đông của Công ty.



c) Quan hệ với đối tác, cổ đông, khách hàng

Tích cực xây dựng và mở rộng mối quan hệ hợp tác bình đẳng, hiệu quả với các đối tác trong và ngoài nước cho sự phát triển của Công ty.

Duy trì và phát triển tốt mối quan hệ với các cổ đông hiện hữu của Công ty. Có định hướng tìm cổ đông chiến lược là doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước có kiến thức, kinh nghiệm về ngành nghề liên quan, có khả năng hỗ trợ về chuyên môn, về tài chính, về quản trị doanh nghiệp... đóng góp hiệu quả vào việc mang lại giá trị tăng thêm đối với hoạt động của Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách và quy trình sản xuất, kinh doanh của Công ty. Xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, phấn đấu để đáp ứng tốt hơn yêu cầu sản xuất và kinh doanh và trở thành một trong những công ty khai thác than hầm lò đứng đầu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về sản lượng, an toàn, chất lượng, hiệu quả.

5. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin là một đơn vị khai thác than hầm lò. Do đó có những rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

- Những rủi ro không lường trước khi thăm dò đánh giá trữ lượng than ở độ sâu hơn 300m so với mực nước biển do hạn chế về trình độ công nghệ thăm dò, phương pháp đánh giá, chi phí đầu tư cho thăm dò lớn, sai số cao và độ tin cậy thấp;

- Hạn chế về áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa bằng công nghệ khai thác than bằng phương pháp hầm lò ở các tầng sâu, điều kiện địa chất phức tạp, thông tin không tin cậy; rủi ro về mất an toàn cho con người và công trình, thiết bị máy móc cao, dẫn đến năng suất thấp, giá thành than cao và không đảm bảo hiệu quả đầu tư và lợi nhuận kinh doanh;

- Ở Việt Nam, hiệu suất sử dụng năng lượng trong các nhà máy nhiệt điện chỉ đạt 28 đến 32% (thấp hơn mức thế giới 10%), hiệu suất các lò hơi công nghiệp chỉ đạt khoảng 60% (thấp hơn mức trung bình của thế giới khoảng 20%). Do đó lượng than tiêu hao cho một đơn vị năng lượng của Việt Nam cao hơn nhiều không chỉ so với các nước phát triển, mà so cả với những nước trong khu vực. Đồng thời gây ra ô nhiễm môi trường và tăng phát thải khí nhà kính (GHG) tạo ra rủi ro cao về tính tuân thủ pháp luật và quy định về bảo vệ môi trường trong nước và quốc tế.

- Biến đổi khí hậu đã làm mực nước biển dâng, các trận mưa lũ lớn xảy ra tác động lớn đến các công trình khai thác than hầm lò và các cơ sở hạ tầng có thể bị ngừng trệ và thiệt hại nặng nề gây rủi ro cao cho việc đầu tư thăm dò và khai thác.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động SXKD

a) Tình hình chung:

Năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch 05 năm 2016 - 2020. Tuy nhiên, bước vào thực hiện kế hoạch, nền kinh tế nước ta gặp rất nhiều khó khăn, thách thức. Tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu thấp hơn dự báo; giá dầu thô và giá nhiều hàng hóa cơ bản giảm mạnh; tình hình biên đông tiếp tục diễn biến phức tạp; biến đổi khí hậu bất thường, nhanh hơn dự báo... Ở trong nước, thiên tai liên tiếp xảy ra suốt cả năm. Đầu năm rét đậm, rét hại ở các tỉnh phía Bắc, hạn hán ở các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; hạn hán, xâm nhập mặn ở các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long kéo dài; giữa năm mưa bão lớn, cuối năm lũ lụt dồn dập với cường độ lớn ..., gây ra thiệt hại rất lớn đối với đời sống nhân dân. Sự cố ô nhiễm môi trường biển Miền Trung gây ra những hậu quả nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, đến sản



xuất và việc làm, thu nhập của người dân 4 tỉnh miền Trung, đến nay chưa khắc phục được. Năng suất lao động xã hội thấp và khả năng cạnh tranh yếu kém làm mất đi lợi thế của nước ta trong bối cảnh hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Do đó, tăng trưởng cả năm 2016 thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

Việc giá dầu thô trên thế giới giảm sâu đã ảnh hưởng trực tiếp đến ngành công nghiệp khai khoáng, nên cả năm than đá toàn ngành giảm 3,1% so với năm 2015, dẫn đến tình hình SXKD của TKV gặp nhiều khó khăn, do giá bán than trên thế giới giảm sâu, số lượng than nhập khẩu tăng mạnh làm cho việc tiêu thụ than chậm, đặc biệt là than vùng Miền Tây Quảng Ninh.

b) Tình hình sản xuất của Công ty

Ngay từ đầu năm 2016, Công ty đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tuy nhiên do tình hình tiêu thụ than chậm, đặc biệt là than của các đơn vị vùng Miền Tây Quảng Ninh không tiêu thụ được, dẫn đến tồn kho của TKV và của Công ty tăng cao không còn chỗ chứa, làm phát sinh tăng chi phí đánh đồng, sang tải. Trước tình hình đó Công ty phải chủ động thực hiện phương án giảm sản lượng khai thác than nguyên khai từ 3.100 nghìn tấn xuống còn 2.500 nghìn tấn, giảm 600 nghìn tấn so với Kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, dẫn đến việc làm và thu nhập của CBCNLD bị ảnh hưởng, việc cân đối tài chính, điều hành chi phí gặp nhiều khó khăn, hiệu quả sản xuất kinh doanh giảm sút.

c) Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Than nguyên khai sản xuất 2.508/ 3.100 nghìn tấn, bằng 80,9% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2016, bằng 75,9 % so với năm 2015; trong đó:

+ Than hầm lò sản xuất 2.258/2.750 nghìn tấn, bằng 82,1% so với nghị quyết của ĐHCĐ năm 2016, bằng 80,36% so với năm 2015;

+ Than lộ vỉa: 102/150 nghìn tấn, bằng 68,0% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2016, bằng 49,86% so với năm 2015;

+ Than giao thầu: 147/200 nghìn tấn, bằng 73,5% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016, bằng 50,82 % so với năm 2015;

- Mét lò đào mới: 30.663/36.530m, bằng 83,9% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2016, bằng 78,6% so với năm 2015, trong đó:

+ Mét lò CBSX: 25.669/31.800 m bằng 80,7% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016, bằng 76,7% so với năm 2016;

+ Mét lò XD CB: 4.994/4.730 m, bằng 105,6% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016, bằng 89,69% so với năm 2015;

- Than sạch sản xuất: 2.216/2.715 nghìn tấn, bằng 81,6% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016, bằng 80,16% so với năm 2015;

- Bóc đất đá lộ vỉa: 1.061/1650 nghìn m³, bằng 64,3% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016, bằng 47,1% so với năm 2015.

- Tiêu thụ than: 2.083/2.715 nghìn tấn, bằng 76,7% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016, bằng 76,25% so với năm 2015.

- Doanh thu tổng số: 2.773.148/2.998.642 triệu đồng, bằng 92,5% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2016, bằng 83,67% so với năm 2015.

- Giá thành và giá bán:



- + Giá thành sản xuất: 1.097.853 đồng/ tấn; bằng 111,5 % so năm 2015;
- + Giá thành tiêu thụ: 1.250.967 đồng/ tấn; bằng 112,3 % so năm 2015;
- + Giá bán bình quân: 1.277.667 đồng/ tấn; bằng 111,8% so năm 2015;
- Tiền lương và thu nhập:
 - + Quỹ lương thực hiện: 734.416 triệu đồng, bằng 93,8 % so với năm 2015;
 - + Thu nhập lương bình quân: 10.516.000 đồng/người-tháng, bằng 93,3% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ (10.586.000 đồng/người-tháng), bằng 100 % so với năm 2015.
 - + Lao động sử dụng bình quân trong năm: 5820 người/KH 6.086 người, bằng 95,5 % so với Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016 (6.086 người);
- Hiệu quả sản xuất kinh doanh:
 - + Công ty đã tiến hành thuê kiểm toán độc lập thực hiện chế độ kiểm toán theo quy định. Lợi nhuận trước thuế: 38.526 triệu đồng, bằng 154,1 % so với Nghị quyết của năm ĐHCĐ năm 2016, bằng 52,37% so với năm 2015;
 - + Nộp ngân sách: 805,45 tỷ đồng, bằng 143,5 % so với năm 2015.
 - Công tác đầu tư: Giá trị thực hiện ĐTXD: 1.072,23 /1058,87 tỷ đồng bằng 101,3% kế hoạch năm và bằng 154,3% với năm 2015.

Nguyên nhân giá trị đầu tư năm 2016 tăng cao hơn so với năm 2015: Do các công trình đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0/-175 Vàng Danh; dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sàng tuyển Vàng Danh 2 - điều chỉnh) đang ở giai đoạn kết thúc đầu tư xây dựng cơ bản, do đó chi phí giải ngân cho 02 dự án này tăng cao, làm tăng giá trị đầu tư

- Một số công việc khác.

+ Ngay từ đầu năm, Công ty đã tập trung triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua; đề ra cơ chế điều hành và các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016; tổ chức ký hợp đồng cam kết trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với thủ trưởng các đơn vị trong Công ty với quyết tâm hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ thông qua, tuy nhiên do việc tiêu thụ than của TKV gặp khó dẫn đến tồn kho tăng cao, Công ty phải giảm sản lượng là 600.000 tấn than nguyên khai để giảm chi phí vốn vay, làm giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty.

+ Thực hiện nhiều giải pháp quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; quản trị chi phí, quản lý vật tư, lao động tiền lương, kế toán thống kê, quản lý dòng tiền; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy chế liên quan đến quản lý của Công ty phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và quy định của Tập đoàn, của Nhà nước.

+ Thực hiện kiểm tra thường xuyên công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ. Công ty đã phối hợp với các cấp chính quyền địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phối hợp giữa Tập đoàn với UBND tỉnh Quảng Ninh phù hợp với tình hình mới.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phan Xuân Thủy	Giám Đốc
2	Ông Nguyễn Tiến Phụng	Phó Giám Đốc



3	Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Giám Đốc
4	Ông Vương Minh Thu	Phó Giám Đốc
5	Ông Trịnh Văn An	Phó Giám đốc
6	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Giám đốc
7	Ông Nguyễn Quý Dũng	Kế toán trưởng

❖ **ÔNG: PHAN XUÂN THỦY - TV HĐQT, GIÁM ĐỐC**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	21/05/1978
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100674343 Cấp ngày 19/03/2002; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 1, Khu 1, Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:	
✓ 08/2001 – 11/2002	Công nhân khai thác phân xưởng KT7, Công ty than Vàng Danh
✓ 12/2002 – 11/2005	Nhân viên Phòng KT-KT, Công ty than Vàng Danh
✓ 12/2005- 6/2006	Phó Quản đốc phân xưởng KT6, Công ty than Vàng Danh
✓ 7/2006 – 10/2006	Nhân viên Phòng KT-KT, Công ty than Vàng Danh
✓ 11/2006 – 02/2008	Phó Quản đốc phân xưởng KT11, Công ty than Vàng Danh
✓ 03/2008- 05/2008	Phó Phòng KT-KT, Công ty than Vàng Danh -TKV
✓ 06/2008 – 4/2010	Quản đốc phân xưởng KT1, Công ty CP than Vàng Danh - TKV
✓ 5/2010 – 20/4/2011	Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh - TKV
✓ 21/4/2011-26/10/2013	TV HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
✓ 27/10/2013 - 30/08/2014	Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
✓ Từ 01/09/2014 đến nay	TV HĐQT, Giám đốc Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	803 cổ phần



❖ **ÔNG: NGUYỄN TIẾN PHƯƠNG - TV HĐQT, PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	01/05/1958
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100591032 Cấp ngày 02/07/2011; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 2, khu 3, Phường Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:	
✓ 7/1981 – 3/1988	Cán bộ kỹ thuật, mỏ than Mông Dương – Khe Chàm
✓ 3/1988 – 02/1995	Nhân viên Phòng KT-KT, Mỏ than Vàng Danh
✓ 3/1995 – 10/1997	Phó phòng KT-KT, Mỏ than Vàng Danh
✓ 11/1997 – 7/1998	Trợ lý Giám đốc, Mỏ than Vàng Danh
✓ 8/1998 – 6/2008	Phó Giám đốc Công ty than Vàng Danh- TKV
✓ 7/2008 – 20/4/2011	TV HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP Than Vàng Danh- TKV
✓ 21/4/2011 đến nay	TV HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP Than Vàng Danh- Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	32.100 cổ phần

❖ **ÔNG: NGUYỄN QUANG TRUNG - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	30/01/1959
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100957688 Cấp ngày 28/12/2004; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 12A, Khu 4, Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh



- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Cơ điện mỏ
- Quá trình công tác:	
✓ 4/1982 – 5/1993	Nhân viên Phòng Cơ điện, Mỏ than Vàng Danh
✓ 6/1993 – 7/1994	Phó quản đốc Phân xưởng K3, Mỏ than Vàng Danh
✓ 8/1994 – 2/1995	Nhân viên Phòng Cơ điện, Mỏ than Vàng Danh
✓ 3/1995 – 7/2004	Trưởng Phòng Cơ điện, Công ty Than Vàng Danh
✓ 8/2004 – 11/2004	Phó phòng Cơ điện, Công ty than Vàng Danh
✓ 01/2005 – 5/2006	Trợ lý Giám đốc, Công ty than Vàng Danh
✓ 6/2006 – 6/2008	Phó Giám đốc, Công ty than Vàng Danh – TKV
✓ 7/2008 – 20/4/2011	Phó Giám đốc Công ty CF Than Vàng Danh – TKV
✓ Từ 21/4/2011 đến nay	Phó Giám đốc Công ty CF Than Vàng Danh – Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	385 cổ phần

❖ **ÔNG: VƯƠNG MINH THU - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	06/10/1979
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100719680 Cấp ngày 06/03/2003; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Đông Mai, Yên Hưng, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:	
✓ 8/2002 – 03/2003	Công nhân khai thác PX K4, Công ty than Vàng Danh



✓ 04/2003 – 10/2003	Nhân viên phòng KTKT, Công ty Than Vàng Danh
✓ 11/2003 – 01/2009	Nhân viên phòng ĐTM, P.QLDAM, Công ty than Vàng Danh
✓ 02/2009 – 08/2013	Phó phòng QLDAM, Công ty than Vàng Danh
✓ 09/2013 – 10/2014	Trưởng phòng QLDAM, Công ty than Vàng Danh
✓ 11/2014 – 02/2015	Phó phòng ĐTM
✓ 03/2015 - 05/2015	Quản đốc phân xưởng K10
✓ Từ 6/2015 đến nay	Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	11.351 cổ phần

❖ **ÔNG: TRỊNH VĂN AN - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	20/06/1973
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100382389 Cấp ngày 15/12/2004; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:	
✓ 08/1996 - 02/1997	Công nhân PX. K1, Mỏ than Vàng Danh
✓ 03/1997 - 09/1999	Nhân viên P.KT-KT, Mỏ than Vàng Danh
✓ 11/2002 - 02/2006	Nhân viên P. Xây dựng, Công ty XM Thăng Long
✓ 03/2006 - 02/2007	Nhân viên P.KT-KT, Công ty than Vàng Danh
✓ 03/2007 - 04/2007	Phó phòng KT-KT, Công ty than Vàng Danh



✓ 05/2007 - 12/2009	Quản đốc PX.KT11, Công ty C.P than Vàng Danh
✓ 01/2010 - 24/8/2011	Quản đốc PX.KT13, Công ty C.P than Vàng Danh
✓ 25/8/2011 – 01/12/2011	Trợ lý Giám đốc Công ty C.P Than Vàng Danh
✓ 02/12/2011 đến nay	Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	2.400 cổ phần

❖ **ÔNG: NGUYỄN VĂN DŨNG - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	10/07/1973
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100957716 Cấp ngày 29/12/2004; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:	
✓ 04/1993 - 06/1995	Công nhân nhà máy cơ khí Cẩm Phả
✓ 07/1995 - 03/1997	Công nhân phân xưởng ô tô, Mỏ than Vàng Danh
✓ 04/1997 - 10/2004	Nhân viên phòng Kế hoạch, Công ty Than Vàng Danh
✓ 11/2004 - 03/2008	Phó phòng Kế hoạch, Công ty than Vàng Danh
✓ 04/2008 - 03/2016	Trưởng phòng Kế hoạch Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin
✓ 04/2016 đến nay	Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	119.897 cổ phần



ÔNG: NGUYỄN QUÝ DŨNG - KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	01/01/1973
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100896769
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế công nghiệp; Cử nhân kế toán doanh nghiệp
- Quá trình công tác:	
✓ 11/1994-08/2007	Nhân viên Phòng TK-KT-TC
✓ 09/2007-02/2013	Phó Phòng TK-KT-TC
✓ 03/2013 đến nay	Kế toán trưởng Công ty
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần

b) Những thay đổi trong Ban điều hành

- Ngày 21/04/2016 Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Dũng - Trưởng phòng Kế hoạch;

c) Số lượng cán bộ, nhân viên:

Lao động sử dụng bình quân trong năm: 5.820 người/KH 6.243 người, bằng 93,2 % so kế hoạch; Tổng số lao động thực tế tại thời điểm 31/12/2016 là 5.542 người, so với thời điểm 31/12/2015 là 6.141 người, giảm 599 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Dự án đầu tư khai thác phân lò giếng mức +0 ÷ -175 khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh:

Trong năm 2016, ngoài việc thi công chuẩn bị các lò chợ XDCCB còn lại của dự án, Công ty đang khẩn trương thực hiện đầu tư các công trình, hạng mục rất cấp thiết phục vụ trực tiếp công tác vận tải, thoát nước của dự án sau này, như: Tuyến băng tải xuyên vỉa -175; Tuyến băng tải giếng nghiêng chính +110 ÷ -200; Tời chở người giếng chính +110 ÷ -200; Hệ thống hầm bom, tuyến ống đẩy từ mức -175 lên mặt bằng +122...Đồng thời đang đẩy nhanh công tác đầu tư mua sắm các thiết bị của dự án nhằm đảm bảo tiến độ thi công và chuẩn bị phục vụ công tác ra than các lò chợ của dự án (Đặc biệt công tác đầu tư hệ thống thiết bị khai thác lò chợ cơ giới hóa I-8-1: Công ty



đang tập trung tổ chức đấu thầu lần 2 nhằm lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị đảm bảo chất lượng, tiến độ theo kế hoạch. Hiện nay lò chợ này đang khai thác theo công nghệ chống giữ bằng giá khung do điều kiện địa chất và công tác đấu thầu mua sắm thiết bị CGH cần có thời gian theo quy định của Nhà nước. Dự kiến cuối năm 2017 sẽ đưa lò chợ này vào hoạt động khai thác bằng công nghệ CGH);

b) Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy tuyển Vàng Danh 2 (dự án điều chỉnh):

Các hạng mục công trình gói thầu ngoài EPC: Về xây lắp các hạng mục công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật về cơ bản đáp ứng tiến độ yêu cầu và sẽ hoàn thành trong năm 2016 theo tiến độ; Hệ thống sân ga đường sắt; nhà điều hành sản xuất, nhà hóa nghiệm đã xong, đang hoàn thiện chuẩn bị nghiệm thu hoàn thành hệ thống cung cấp nước, sân đường nội bộ và cổng hàng rào nhà máy.

Trong năm 2016, thực hiện xong công tác thi công xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị, kết nối dây chuyền công nghệ, đang tổ chức chạy thử không tải, có tải nhà máy.

- Dự kiến đưa nhà máy đi vào vận hành thương mại từ quý 2/2017.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ % tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	2.265.481.909.111	3.206.914.550.765	42
Doanh thu thuần	3.309.939.253.624	2.771.164.412.908	-16
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	79.567.604.617	56.427.297.375	-29
Lợi nhuận khác	-5.996.436.893	-17.901.354.216	199
Lợi nhuận trước thuế	73.571.167.724	38.525.943.159	-48
Lợi nhuận sau thuế	56.698.577.414	29.887.452.676	-47
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	7%	Dự kiến 3%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KỶ BÁO CÁO (2015)	KỶ BÁO CÁO (2016)
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	78,69	79,90
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	21,31	20,10
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	79,43	84,66
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	20,57	15,34
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,33	0,30
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,51	0,58
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất LN sau thuế/ Tổng tài sản	%	2,50	1,09
	- Tỷ suất LN sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,71	1,08



	- Tỷ suất LN sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	13,33	6,83
--	---	---	-------	------

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Vốn điều lệ của Công ty là 449.628.640.000 VNĐ (Bốn trăm bốn mươi chín tỷ, sáu trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 44.962.864 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần. Các cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông, kể cả cổ phần do Nhà nước nắm giữ.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	30.048.743	300.487.430.000	66,83
2	Cổ đông nội bộ	253.843	2.538.430.000	0,56
3	<i>HDQT, BGD, BKS và KTT</i>	<i>253.843</i>	<i>2.538.430.000</i>	<i>0,56</i>
4	Cổ đông cá nhân trong nước	10.523.029	99.654.090.000	23,71
5	Cổ đông cá nhân nước ngoài	66.669	666.690.000	0,15
6	Cổ đông tổ chức trong nước	4.002.582	40.025.820.000	8,90
7	Cổ đông tổ chức nước ngoài	67.998	679.980.000	0,15
Tổng		44.962.864	449.628.640.000	100

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty là ngành khai thác than do đó không có nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất, mà chỉ có vật liệu phụ chủ yếu.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tình hình tiêu thụ các loại năng lượng chính trong Công ty:

Năng lượng	Đơn vị	Khối lượng tiêu thụ		
		Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Điện năng	kWh	46.051.684	54.366.000	55.332.000
Dầu diesel	Lít	3.473.869	3.180.000	1.921.580
Xăng	Lít	71.064	89.200	79.295

Điện năng là loại năng lượng chiếm tỷ lệ sử dụng lớn nhất, chiếm 96,51% tổng cầu năng lượng của Công ty, do đó cần chú trọng kiểm soát đo lường, đánh giá, phân tích tiêu hao điện năng trong quá trình sử dụng;

Dầu diesel là loại năng lượng chiếm tỷ lệ sử dụng khoảng 3,35% tổng nhu cầu năng lượng của Công ty do đó cần trú trọng xây dựng định mức tiêu hao phù hợp.



b) Giải pháp sử dụng năng lượng hiệu quả:

Tuyên truyền giáo dục CBCNV sử dụng tiết kiệm điện trong sản xuất và sinh hoạt; bố trí thiết bị sử dụng hợp lý; hạn chế vận hành thiết bị có công suất lớn vào giờ cao điểm; kiểm tra bảo dưỡng, thay thế các thiết bị cũ; nghiên cứu để đầu tư các thiết bị tiết kiệm điện năng.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn cung cấp nước: một phần mua từ nhà máy cấp nước của thành phố, một phần từ nguồn nước ngầm.

Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm là 143.364 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Lượng nước thải sau sản xuất của Công ty được đưa về hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường, một phần được xả ra môi trường, một phần được thu hồi để bù đắp lượng nước tiêu hao trong quá trình tuyển than của công ty.

- Lượng nước thải qua xử lý 1.125 m³/h

- Lượng nước sử dụng lại: 150 m³/h, tương đương 13,3 %

6.4. Việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trước khi thực hiện dự án Công ty đã tiến hành lập báo cáo đánh giá tác động môi trường để đánh giá khả năng ảnh hưởng, tác động đến môi trường trong quá trình hoạt động, được các cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận.

Công ty đã chủ động thuê đơn vị Tư vấn có năng lực thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định với tần suất 1 lần /quý theo quy định của ĐTM. Sau khi quan trắc đều có kết quả báo cáo (kèm theo). Căn cứ vào kết quả quan trắc, Công ty đã có các biện pháp thực hiện nhằm điều chỉnh kịp thời các thông số vượt tiêu chuẩn cho phép.

Tổ chức thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, không để xảy ra bất kỳ sự cố môi trường nào. Trong năm đã thực hiện xong 15/15 hạng mục chi phí môi trường thường xuyên với giá trị 20,2 tỷ đồng; phối hợp với Công ty Môi trường TKV đưa dự án xử lý nước thải hầm lò khu cánh gà vào hoạt động; Chỉ đạo thi công Dự án xử lý nước thải nhà máy tuyển, dự án xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo tiến độ đưa vào hoạt động, đảm bảo tiêu chuẩn xả thải vào nguồn nước theo đúng quy định; Việc thu gom xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, xử lý chống trôi đất đá các bãi thải, phun nước chống bụi khu dân cư, kho bãi và khai trường lộ via, quan trắc dịch động các bãi thải được thực hiện thường xuyên theo kế hoạch và tuân thủ đúng quy định của pháp luật; tổ chức trồng cây phủ xanh các bãi thải, bờ moong lộ via với diện tích 13,4 ha.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Lao động sử dụng bình quân trong năm 2016 là 5820 người bằng 93,2% so với lao động kế hoạch, ban đầu, bằng 100% sơ với KH điều chỉnh và so với năm 2015 bằng 93,8%;

- Lao động tại thời điểm 31/12/2016 có 5.542 người; Số lao động phụ trợ phục vụ giảm so với thời điểm 30/9/2015 là 175 người, trong đó tiết giảm theo Chỉ thị 51 của Tập đoàn là 87 người bằng 134%; tỷ lệ lao động các khu vực như sau:

Lao động quản lý: 560 người; Lao động phụ trợ phục vụ: 1.290 người; Lao động công nghệ: 3.692 người.



- Mức lương bình quân năm 2016: 10.516.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi người lao động:

- Thực hiện đóng, nộp đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho 100% công nhân viên chức lao động; các chế độ ăn định lượng, ăn ca và bồi dưỡng độc hại đối với người lao động được Công ty thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

- Tham quan du lịch: Tổng số người được đi tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm 1.115 lượt người; tham quan nghỉ mát 5.746 người với số tiền 4.022 triệu đồng.

- Trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cá nhân đối với từng loại ngành nghề đảm bảo đúng quy định.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Bồi dưỡng nghề thi nâng bậc 360 người; Bồi dưỡng chuyên đề kỹ thuật nghiệp vụ 2.390 lượt người; Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 22 giờ/người, trong đó nhân viên 26 giờ/người, công nhân 15 giờ/người.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Phối hợp với các trường trong và ngoài Tập đoàn thường xuyên mở các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý, tay nghề, đào tạo lại. Ngoài ra còn mở các lớp tự đào tạo kèm cặp tay nghề trong nội bộ Công ty; đồng thời quản lý chặt chẽ công tác đào tạo, kèm cặp công nhân kỹ thuật theo tiêu chuẩn hiện hành, tổ chức thi nâng bậc công nhân kỹ thuật, bồi dưỡng nghề, bồi dưỡng các chuyên đề, kèm cặp nghề, đào tạo nghề mới; thực hiện công tác tuyển sinh gửi đào tạo công nhân kỹ thuật phù hợp với thực tế SX đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ sản xuất các năm sau; phối hợp với các trường tiếp nhận học sinh thực tập sản xuất tại Công ty theo hợp đồng đào tạo.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã chủ động hỗ trợ hoạt động đầu tư cộng đồng như: Đóng góp xây dựng khu di tích ngành than, nộp quỹ phòng chống thiên tai, hỗ trợ thành phố tổ xây dựng quảng trường, hỗ trợ chức sự kiện trong năm, hỗ trợ các nạn nhân chất độc màu da cam thành phố Uông Bí, ủng hộ tết vì người nghèo, trợ cấp các cháu tàn tật, gia đình khó khăn tại địa phương, hỗ trợ, công đức các giáo hội Phật giáo đóng trên địa bàn, ủng hộ xây dựng nông thôn mới, ủng hộ xây dựng sửa chữa các công trình cộng đồng tại địa phương.... với tổng giá trị 3,85 tỷ đồng.

III. Báo cáo đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Ngay từ đầu năm 2016, Công ty đã tích cực triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, với các giải pháp chỉ đạo điều hành quyết liệt, sự phối hợp của các đơn vị trong Công ty, CNCB trong toàn Công ty đã đoàn kết nỗ lực chung sức vượt qua khó khăn để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, do tình hình tiêu thụ than của TKV gặp khó khăn, đặc biệt là than vùng Uông Bí, nhu cầu thị trường giảm mạnh trong năm 2016 làm tồn kho tăng cao, phát sinh nhiều chi phí. Do đó Công ty đã chủ động giảm sản lượng sản xuất theo chỉ đạo của TKV và điều chỉnh lại một số chỉ tiêu chủ yếu cụ thể:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua	Kế hoạch điều chỉnh 2016 (QĐ 2893)
- Than nguyên khai	1000t	3.100	2.500
+ Than lộ thiên	"	150	100
+ Than hầm lò	"	2.750	2250
+ Than thuê thầu	"	200	150



- Bóc đất đá	1000m ³	1.650	1.034
- Than sạch sản xuất	1000t	2.715	2.222
- Than tiêu thụ (giao cho TKV)	1000t	2.715	1.970
- Doanh thu than	tr.đ	2.998.642	2.527.155
- Lợi nhuận	tr.đ	25.000	35.431

*** Nguyên nhân:**

Tình hình tiêu thụ than vùng Uông Bí của Tập đoàn TKV gặp khó khăn, trong đó có Công ty CP than Vàng Danh, sản lượng than tiêu thụ giảm mạnh tiêu thụ rất chậm, Công ty đã phải chủ động điều hành giảm sản lượng sản xuất từ 3.100.000 tấn xuống 2.500.000 tấn (theo chỉ đạo của TKV) trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh ở mức cao nhất có thể, đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động. Do việc giảm sản lượng sản xuất, tiêu thụ than giảm, tồn kho tăng, doanh thu giảm, đã làm cho giá thành tăng, hiệu quả sản xuất kinh doanh giảm sút, lợi nhuận giảm so với năm 2015.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

- Sự biến động của tài sản:

A	Tài sản	Số dư đầu kỳ (01/01/2016)	Số dư cuối kỳ (31/12/2016)	Chênh lệch	
				Giá trị	%
I	Tài sản ngắn hạn	482.798.075.672	644.466.204.256	161.668.128.584	33,49
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	86.226.290.088	8.615.266.518	-77.611.023.570	-90,01
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		0	0	
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	224.579.565.222	321.780.473.458	97.200.908.236	43,28
4	Hàng tồn kho	165.977.645.073	308.198.163.428	142.220.518.355	85,69
5	Tài sản ngắn hạn khác	6.014.575.289	5.872.300.852	-142.274.437	-2,37
II	Tài sản dài hạn	1.782.683.833.439	2.562.448.346.509	779.764.513.070	43,74
1	Các khoản phải thu dài hạn	81.984.392.755	38.644.469.964	-43.339.922.791	-52,86
2	Tài sản cố định	1.551.844.257.913	1.427.255.013.096	124.589.244.817	-8,03
	- Tài sản cố định hữu hình	1.226.943.514.392	1.427.255.013.096	200.311.498.704	16,33
	- Tài sản cố định vô hình	18.776.256	0	-18.776.256	100,00
	- Tài sản cố định thuê tài chính				
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	324.881.967.265	691.995.788.828	367.113.821.563	113,00
3	Bất động sản đầu tư				
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				
5	Tài sản dài hạn khác	148.855.182.771	404.553.074.621	255.697.891.850	171,78



III	Tổng cộng tài sản	2.265.481.909.111	3.206.914.550.765	941.432.641.654	41,56
------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------	------------------------	--------------

Tổng tài sản thời điểm cuối năm (31/12/2016) tăng 941,433 tỷ đồng (tương ứng tăng 42%) so với tổng tài sản tại thời điểm đầu năm (01/01/2016), giá trị tài sản của Công ty tăng chủ yếu là do sự gia tăng giá trị của tài sản dài hạn trong năm (tăng 44%), trong đó giá trị tài sản cố định cuối năm tăng so với đầu năm 567,407 tỷ (tương ứng tăng 37%) là do trong năm Công ty đầu tư Dự án Nhà máy sàng tuyển II và tăng cường công tác đầu tư để duy trì sản xuất, mở rộng sản xuất của Công ty.

Tài sản ngắn hạn của Công ty cuối năm so với đầu năm tăng 161,668 tỷ đồng (tương ứng tăng 33%) chủ yếu là do hàng tồn kho than tăng cao (giá trị tồn kho cuối năm 31/12/2016 tăng 142,220 tỷ so với đầu năm 01/01/2016 tương ứng 86%) và công nợ phải thu tiền bán than tăng cao (số phải thu cuối năm 31/12/2016 so với đầu năm 01/01/2016 tăng 97,2 tỷ tương ứng 43%)

- Hiệu quả sử dụng tài sản:

STT	Chỉ tiêu	NĂM 2015	NĂM 2016	Chênh lệch
1	Doanh thu thuần	3.309.939.253.624	2.771.164.412.908	(538.774.840.716)
2	Tài sản ngắn hạn bình quân	540.726.196.640	563.632.139.964	22.905.943.324
2.1	Tài sản ngắn hạn đầu kỳ	598.654.317.608	482.798.075.672	(115.856.241.936)
2.2	Tài sản ngắn hạn cuối kỳ	482.798.075.672	644.466.204.256	161.668.128.584
3	Lợi nhuận sau thuế	56.698.577.414	29.887.452.676	(26.811.124.738)
4	Sức sinh lời của tài sản ngắn hạn	0,10	0,05	(0,05)
5	Số vòng luân chuyển của tài sản ngắn hạn (vòng/năm)	6,1	4,9	(1,2)

Năm 2016 Hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn của Công ty kém hơn năm 2015, cụ thể:

Sức sinh lời của tài sản ngắn hạn năm 2016: một đồng tài sản ngắn hạn tham gia vào hoạt động kinh doanh chỉ mang lại cho Công ty 0,05 đồng lợi nhuận giảm 0,05 đồng so với năm 2015.

Số vòng luân chuyển của tài sản ngắn hạn năm 2016 giảm 1,2 vòng/năm so với năm 2015: là do năm 2016 việc tiêu thụ than khó khăn, tồn kho than tăng cao (giá trị tồn kho năm 2016 tăng 142,220 tỷ so với năm 2015 tương ứng 86%) làm giảm hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Công ty.

- Nợ phải thu xấu:

Công ty có khoản nợ xấu là khoản phải thu tiền bồi thường chi phí đào tạo, bồi thường do người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với số cuối năm 2016 là 3,937 tỷ đồng so với số đầu năm là 2.048 tỷ đồng tăng 2,044 tỷ đồng. Công ty tích cực thu hồi công nợ bằng nhiều biện pháp để giảm nợ phải thu xấu của Công ty. Công ty trích lập dự phòng khoản nợ xấu theo đúng quy định hiện hành để khoản nợ xấu không làm ảnh hưởng đến tài chính của Công ty.

b) Tình hình nợ phải trả:

A	Nợ phải trả	Số dư đầu kỳ (01/01/2016)	Số dư cuối kỳ (31/12/2016)	Chênh lệch ĐK/CK	
				Giá trị	%
1	Nợ ngắn hạn	946.582.652.269	1.116.659.760.038	170.077.107.769	18



2	Nợ dài hạn	852.922.077.639	1.598.383.083.894	745.461.006.255	87
	TỔNG CỘNG	1.799.504.729.908	2.715.042.843.932	915.538.114.024	51

Tổng nợ phải trả của Công ty cuối năm (31/12/2016) tăng 915,538 tỷ đồng (tương ứng tăng 51%) so với tổng nợ phải trả tại thời điểm đầu năm (01/01/2016). Chỉ tiêu này tăng chủ yếu là do:

- Các khoản nợ ngắn hạn của Công ty cuối năm 2016 tăng 170,077 tỷ đồng so với đầu năm 2016 (tương ứng tăng 18%);

Nợ Ngắn hạn tăng chủ yếu do khoản Nợ phải trả người bán ngắn hạn tăng 51,9 tỷ đồng tương ứng tăng 19% (Số dư cuối năm 31/12/2016 là 323,816 tỷ đồng so với Số dư đầu năm 01/01/2016 là 271,926 tỷ đồng) và Khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn số cuối năm tăng 152,410 tỷ đồng (tương ứng tăng 42,4%) so với số đầu năm: do các khoản vay dài hạn đến hạn trả tăng.

Các khoản phải nộp ngân sách, phải trả người lao động và phải trả khác Công ty thực hiện đúng quy định về thời gian nộp, chi trả và theo dõi các khoản trích trước.

Công ty thường xuyên rà soát các khoản phải trả khách hàng do đó trong kỳ Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ đến hạn và không có khoản nợ quá hạn.

- Các khoản nợ dài hạn cuối năm (31/12/2016) tăng 745,461 tỷ đồng (tương ứng tăng 87%) so với số đầu năm (1/1/2016) chủ yếu là do các khoản vay phục vụ cho đầu tư của Công ty tăng.

Công ty mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả, định kỳ phân loại các khoản công nợ theo đúng quy định tại Nghị định 206/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013 của Chính phủ về Quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Thông tư số 200/2014/TT-BTC, ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

a) Cơ cấu tổ chức:

Thực hiện Quyết định số 314/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, do tình hình tiêu thụ than chậm, tồn kho tăng cao, để giảm bớt các đầu mối quản lý, trong năm Công ty đã sắp xếp lại tổ chức theo mô hình của TKV, giảm 04 đầu mối sản xuất, giảm 175 lao động phụ trợ, phục vụ phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty;

Tỷ lệ lao động phụ trợ, phục vụ và gián tiếp thực hiện sát với quy định của TKV.

b) Chính sách quản lý:

- Thực hiện các giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành năm 2016 của Tập đoàn. Công ty đã xây dựng phương án điều hành sản xuất phù hợp với tình hình tiêu thụ, đồng thời triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh như tiết giảm chi phí, tăng cường sản xuất những chủng loại than nhu cầu thị trường cao như than cục và than cám 6b, giảm sản xuất các loại than khó tiêu thụ như than cám 5; tổ chức thực hiện phương án pha trộn than để đáp ứng được theo yêu cầu của thị trường; cắt giảm tối đa các công việc thuê ngoài để giữ việc làm cho người lao động. Nhờ đó, đã ổn định được sản xuất, việc làm và thu nhập của người lao động được duy trì, tồn kho giảm, tình hình tài chính của Công ty ổn định.

- Đã thực hiện rà soát tất cả các diện sản xuất của các đơn vị, lập mới và lập bổ sung, điều chỉnh các phương án quy hoạch khai thác - đào lò cho những khu vực mới, khu vực có điều kiện địa chất sai



khác nhiều so với thiết kế ban đầu, đáp ứng kịp thời diện sản xuất cho các đơn vị. Việc sử dụng công nghệ chống giữ lò chợ có năng suất cao, đảm bảo an toàn hơn được thực hiện khá tốt.

- Đã ban hành các cơ chế, giải pháp điều hành chi phí phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty; công tác điều hành và quản trị chi phí được thực hiện linh hoạt, thích ứng với tình hình sản xuất kinh doanh từng giai đoạn. Cụ thể đã triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch tiết giảm 6% tổng chi phí các công đoạn sản xuất năm 2016 theo chỉ đạo của TKV; Quyết định số 02/QĐ-TVD ngày 04/01/2016 về kế hoạch tiết kiệm chi phí; Kế hoạch số 169/KH-THTK ngày 17/03/2016 về thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2016; chỉ thị số 3401/TVD-KH ngày 13/9/2016 về thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí.

Kết quả năm 2016 đã thực hiện được việc tiết giảm 6% tổng chi phí công đoạn sản xuất theo chỉ đạo của TKV, trong đó tiết kiệm được 55,1 tỷ đồng theo Quyết định số 02/QĐ-TVD ngày 04/01/2016.

- Công tác giao khoán nội bộ: Ngay từ đầu năm Công ty đã tiến hành tổ chức ký hợp đồng giao khoán với tất cả các đơn vị, trong đó có 20 đơn vị khoán giá thành công đoạn theo đơn giá tổng hợp, các đơn vị còn lại khoán định mức vật tư sử dụng. Nhìn chung các đơn vị đã thực hiện tốt quy chế khoán của Công ty, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Trên cơ sở Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/03/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh của TKV. Công ty xây dựng phương án phát triển Công ty theo định hướng phát triển là mỏ hầm lò có quy mô, sản lượng trong TKV, xây dựng mỏ theo tiêu chí "Mỏ sạch - Mỏ an toàn - Mỏ hiện đại". Cụ thể như sau:

- Đến hết năm 2017 Kết thúc đầu tư xây dựng cơ bản của dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0/-175 khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh nhằm đưa dự án đạt công suất 1,5 triệu tấn/năm;

- Bố trí số lượng lò chợ hợp lý, tạo điều kiện để nâng sản lượng của khu Giếng Cánh gà, phù hợp với thiết bị vận tải, thông gió, khi có điều kiện thuận lợi về tiêu thụ thì phấn đấu khai thác đạt công suất 1,2 triệu tấn.

- Chuẩn bị thực hiện đầu tư dự án khai thác phần lò giếng dưới mức -50 khu Cánh gà, Mỏ than Vàng Danh; Dự án mở rộng nâng công suất mỏ Vàng Danh xuống sâu dưới mức -175;

- Tiếp tục nghiên cứu áp dụng công nghệ cơ giới hóa để nâng cao sản lượng than khai thác, nâng cao năng suất lao động; áp dụng công nghệ khai thác hợp lý để giảm tổn thất tài nguyên.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động SX-KD theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Đã tổ chức triển khai nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn với Công ty.

Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền.

Trực tiếp thay mặt Công ty ký các hợp đồng lao động, tín dụng, kinh tế và thương mại đảm bảo đúng chế độ quy định, đúng pháp luật.



Thực hiện tốt thoả ước lao động và hợp đồng lao động đã ký. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các Cổ đông.

Tích cực tuyên truyền, vận động CNCB trong Công ty thực hiện tốt công tác môi trường, an sinh xã hội trên địa bàn và giữ gìn trật tự an toàn trong sản xuất.

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ được thực hiện đúng quy trình; Tuyển dụng lao động được thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch; Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, nâng lương, nâng bậc..., được thực hiện đúng Quy chế, quy định Công ty và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn.

Chủ động điều hành hoạt động SX-KD hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quyết định của Hội đồng quản trị.

Triển khai kế hoạch SX-KD bằng cơ chế chính sách và các giải pháp đồng bộ từ Công ty đến các đơn vị phòng ban, phân xưởng kịp thời; Tổ chức ký hợp đồng cam kết trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với thủ trưởng các đơn vị trong Công ty.

Tổ chức thực hiện công tác ĐT-XD theo phân cấp, quyết định đầu tư đúng thẩm quyền. Thực hiện đầu tư, quyết toán và kiểm toán các công trình đầu tư được thực hiện đúng chế độ, đúng quy định.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Tập trung, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án Đầu tư xây dựng theo kế hoạch ĐTXD năm 2017.

Tập trung đầu tư và chỉ đạo kiên quyết giữ vững an toàn trong sản xuất;

Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, tái cấu trúc theo chủ trương của TKV, đồng thời phải xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể, có cơ chế khuyến khích phù hợp, tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài của Công ty.

Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật... Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để tiết giảm chi phí trên cơ sở quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, chất lượng sản phẩm.

Tiếp tục duy trì và phát triển văn hóa theo hướng hiện đại gắn với kỷ luật đồng tâm, truyền thống vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp Chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực.

V. Quản trị Công ty

1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

a) thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Phạm Trung Tuấn	Chủ tịch HĐQT - Thành viên không điều hành
2.	Phan Xuân Thủy	Thành viên HĐQT - Thành viên điều hành
3.	Trịnh Xuân Thò	Thành viên HĐQT - Thành viên không điều hành



4	Vũ Đình Việt	Thành viên HĐQT Thành viên không điều hành
5	Nguyễn Tiến Phụng	Thành viên HĐQT - Thành viên điều hành

❖ ÔNG: PHẠM TRUNG TUẤN - CHỦ TỊCH HĐQT (thành viên không điều hành)

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	07/04/1958
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	101075021 Cấp ngày 09/04/2007
- Dân tộc:	Kinh
- Nguyên Quán:	Xã Tân An, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư khai thác mỏ hầm lò
- Quá trình công tác:	
✓	Từ tháng 05 năm 1981 đến tháng 08 năm 1987 : Nhân viên phòng Kỹ thuật Mỏ than Mông Dương
✓	Từ tháng 02/1997- 01/2003 là Phó giám đốc kỹ thuật công ty than Hà Lâm Vinacomin
✓	Từ tháng 01/2003-07/2004 là Phó giám đốc Công ty than Bái Tử Long (nay là Công ty than Quang Hanh TKV);
✓	Từ tháng 07/2004 là Phó Trưởng ban ĐT, KCM của TKV
✓	Từ 01/2008-09/2013 là Trưởng các ban KCM, TGN của TKV
✓	Từ 10/2013-10/2015 là Phó giám đốc Trung tâm Điều hành sản xuất tại Quảng Ninh TKV
✓	Từ tháng 23/10/2015 đến nay: Trưởng ban Tập đoàn, thành viên Ban Quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam Chủ tịch HĐQT Công ty
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần

❖ ÔNG: TRỊNH XUÂN THỎA - TV HĐQT (Thành viên không điều hành)

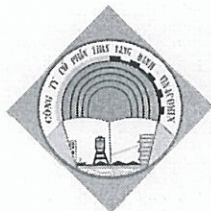
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	10/01/1960
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100600457 Cấp ngày 17/12/2004; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 5, Khu 11, Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:	



✓ 01/1980 – 03/1987	Công nhân khai thác phân xưởng KT2, KT9, Mỏ than Vàng Danh
✓ 4/1987 – 4/1993	Cán bộ chuyên trách Đoàn Thanh niên, Mỏ than Vàng Danh
✓ 5/1993- 2/1995	Phó Bí thư Đoàn thanh niên, Mỏ than Vàng Danh
✓ 3/1995 – 6/1997	Cán bộ chuyên trách Đảng ủy, Mỏ than Vàng Danh
✓ 7/1997 – 11/2001	Phó phòng BV-TT-QS, Công ty than Vàng Danh
✓ 12/2001- 02/2003	Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy, Công ty than Vàng Danh
✓ 03/2003 – 8/2005	Trưởng Ban tổ chức Đảng ủy, Công ty than Vàng Danh
✓ 9/2005 – 5/2008	Phó Bí thư, Trưởng ban tổ chức Đảng ủy, Công ty than Vàng Danh
✓ 6/2008 - 6/2010	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh- TKV
✓ 7/2010 – 20/4/2011	UV BTV Đảng ủy Than Quảng Ninh, Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty - TKV
✓ 21/4/2011 -24/4/2013	UV BTV Đảng ủy Than Quảng Ninh, Bí thư Đảng ủy,
✓ Từ 25/4/2013 đến nay	UV HĐQT, UV BTV Đảng ủy Than Quảng Ninh, Bí thư Đảng ủy,
Số cổ phần nắm giữ	64.648 cổ phần

❖ ÔNG: VŨ ĐÌNH VIỆT - TV HĐQT (thành viên không điều hành)

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	07/05/1963
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100728437 ngày cấp 10/11/2012
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế lao động
- Quá trình công tác:	
✓ 10/1983-11/1990	Công nhân sửa chữa điện mỏ than Vàng Danh
✓ 12/1990-06/1994	Học Đại học Công đoàn
✓ 07/1994-08/1994	Cán bộ Công đoàn Liên đoàn tỉnh Quảng Ninh
✓ 09/1994-09/1996	Công nhân sửa chữa điện mỏ than Vàng Danh



✓ 10/1996-11/1998	Cán bộ Công đoàn Mỏ than Vàng Danh
✓ 12/1998-07/2005	Trưởng ban Tổ chức Công đoàn Công ty
✓ 08/2005-11/2012	Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty
✓ 12/2012 – 24/4/2013	Chủ tịch Công đoàn Công ty
✓ 24/4/2013 đến nay	UV HĐQT - Chủ tịch Công đoàn Công ty
Số cổ phần nắm giữ	8.001 cổ phần

- ❖ **ÔNG: PHAN XUÂN THỦY - TV HĐQT (thành viên điều hành) - như trình bày ở trên**
- ❖ **ÔNG: NGUYỄN TIẾN PHƯƠNG – TV HĐQT (thành viên điều hành) - như trình bày ở trên**

b) Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm Hội đồng Quản trị đã thực hiện 30 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 30 Nghị quyết liên quan đến sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các kỳ họp Hội đồng quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, nội dung kết quả các cuộc họp như sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số: 01/2016/NQ- HĐQT	11/01/2016	- Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu thuộc dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0 ÷ -175 khu Vàng Danh, mỏ than Vàng Danh; - Thông qua Quy chế quản lý công tác vật tư trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin; - Phê duyệt điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2 - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV (dự án điều chỉnh): Thời gian thực hiện dự án: năm



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			2010 ÷ Quý II năm 2017.
2	Số: 02/2016/NQ- HDQT	19/01/2016	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua đề Giám đốc Công ty Quyết định bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng K9 đối với ông Phạm Văn Doãn ;- Thông qua nhận xét đánh giá cán bộ quản lý Công ty năm 2015, bao gồm các chức danh: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Trạm trưởng Y tế và Quản đốc các đơn vị trong Công ty- Phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu số 31- Gói EPC thiết kế BVTC, cung cấp vật tư thiết bị và xây lắp công trình tuyến băng tải từ lò giếng Cánh gà về Nhà máy tuyển than Vàng Danh 2 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2 - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin (dự án điều chỉnh);
3	Số: 03/2016/NQ- HDQT	22/02/2016	<ul style="list-style-type: none">- Phê duyệt báo cáo đánh giá áp dụng công nghệ cơ giới hóa đồng bộ cho các vỉa dày thoải thuộc công trình khai thác hầm lò thuộc dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức ±0 ÷ -175 khu Vàng Danh - Mỏ than Vàng Danh;- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung của dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức ±0 ÷ - 175 khu Vàng Danh - Mỏ than Vàng Danh ; <p>* Tổng mức đầu tư phần bổ sung : 295.562.652.000 đồng</p> <ul style="list-style-type: none">+Phần công việc đã thực hiện: 399.743.000 đồng;+ Phần công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu: 24.161.165.000 đồng;+ Phần kế hoạch lựa chọn nhà thầu: 271.001.744.000 đồng.;



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none">- Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng TCLĐ đối với ông Hồ Quốc;- Thông qua kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng 2016: Kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng năm 2016 với tổng số tiền chi là 14.860 triệu đồng;- Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động kiểm toán nội bộ của Công ty
4	Số: 04/2016/NQ- HDQT	29/02/2016	<p>1. Thông qua đề Giám đốc Công ty Quyết định bổ nhiệm cán bộ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Điều động và bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng giúp Giám đốc Công ty theo dõi và đôn đốc, thực hiện một số nhiệm vụ về công tác công nghệ mới, cơ giới hóa đối với ông Nguyễn Trọng Bình - Trưởng phòng Kỹ thuật - Khai thác;- Bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật - Khai thác đối với ông Trần Văn Thức - Phó trưởng phòng Kỹ thuật - Khai thác;; <p>2. Thông qua Quy chế Thi đua, Khen thưởng trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.</p>
5	Số: 05/2016/NQ- HDQT	14/03/2016	<p>Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu (phần hạng mục hầm bom - 175 và cụm công trình thoát nước) thuộc dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0 ÷ -175 khu Vàng Danh - Mỏ than Vàng Danh: * Tổng mức đầu tư phần điều chỉnh, bổ sung: 332.503.809.000 đồng</p> <ul style="list-style-type: none">- Phần công việc đã thực hiện: 1.225.555.000 đồng;- Phần công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu: 9.020.191.000 đồng;- Phần kế hoạch lựa chọn nhà thầu:



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
6	Số: 06/2016/NQ- HDQT	21/03/2016	<p>322.258.144.000 đồng</p> <ol style="list-style-type: none">1. Phê duyệt quỹ lương thực hiện 2015.2. Thông qua kế hoạch sử dụng lao động, đơn giá tiền lương, tiền lương viên chức quản lý, thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2016;3. Thông qua phương án huy động vốn năm 2016. - Huy động vốn theo Kế hoạch đầu tư năm 2016 theo nội dung văn bản số 5484/TKV-ĐT ngày 06/11/2015 của Tổng Giám đốc Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam về việc thông báo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2016: 962,6 tỷ đồng <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Vốn chủ sở hữu: 94,8 tỷ đồng+ Vốn vay: 867,8 tỷ đồng <p>- Vay trả tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 386 tỷ đồng.</p> <p>- Vay vốn ngắn hạn (vốn lưu động) năm 2016: 220 tỷ đồng</p>
7	Số: 07/2016/NQ- HDQT	29/03/2016	<ol style="list-style-type: none">1. Thông qua công tác tổ chức và công tác cán bộ của Công ty:<ol style="list-style-type: none">a) Giải thể phân xưởng K8b) Miễn nhiệm chức vụ Quản đốc phân xưởng K8 đối với ông Vũ Văn Thân.2. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 11: Máy bơm nước ly tâm Q=6150 m³/h thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2 - Công ty cổ phần Than Vàng Danh - TKV (dự án điều chỉnh);3. Phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Thẩm định Hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			nhà thầu gói thầu số 11: mua sắm hệ thống thiết bị vật tư chống giữ lò chợ cơ giới hóa đồng bộ cho các vỉa than dày thoải, thuộc dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0 ÷ -175 khu Vàng Danh, mỏ than Vàng Danh.
8	Số: 08/2016/NQ- HDQT	21/05/2016	- Thông qua nhận xét đánh giá cán bộ quản lý Công ty; + Ông Phan Xuân Thủy - Giám đốc; + Ông Phạm Xuân Vinh - Trưởng ban Kiểm soát;
9	Số: 8.1/2016/NQ- HDQT	21/05/2016	1. Thông qua nhận xét đánh giá cán bộ quản lý Công ty năm 2015: - Ông Nguyễn Tiến Phụng - Phó Giám đốc; - Ông Nguyễn Quang Trung - Phó Giám đốc; - Ông Trịnh Văn An - Phó Giám đốc; - Ông Vương Minh Thu - Phó Giám đốc; - Ông Nguyễn Quý Dũng- Kế toán trưởng Công ty. 2. Thông qua danh sách quy hoạch cán bộ của Công ty; 3. Thông qua công tác tổ chức và công tác cán bộ của Công ty: a) Giải thể phân xưởng K10 b) Miễn nhiệm chức vụ Quản đốc phân xưởng K10 đối với ông Phùng Trung Ninh. 4. Thông qua công tác cán bộ của Công ty a) Bỏ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng K11 đối với ông Trần Việt Vũ; b) Bỏ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng Ô tô đối với ông Võ Ngọc Dũng.
10	Số:	12/04/2016	Thông qua đề Giám đốc Công ty Quyết



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
	09/2016/NQ-HDQT		<p>định</p> <p>1. Thi hành kỷ luật cán bộ:</p> <p>a) Cách chức Quản đốc phân xưởng KT12 đối với ông Hoàng Đức Phúc.</p> <p>Lý do: Công tác quản lý và tuyên truyền, giáo dục CBCN đơn vị chấp hành các quy định về ATLĐ chưa hiệu quả, để xảy ra TNLĐ nghiêm trọng tại phân xưởng KT12 ngày 09/4/2016.</p> <p>b) Cách chức Quản đốc phân xưởng Đ1 đối với ông Nguyễn Văn Hải.</p> <p>Lý do: Công tác quản lý và tuyên truyền, giáo dục CBCN đơn vị chấp hành các quy định về ATLĐ chưa hiệu quả, để xảy ra TNLĐ nghiêm trọng tại phân xưởng Đ1 ngày 10/4/2016.</p> <p>c) Kỷ luật bằng hình thức khiển trách đối với các ông:</p> <ul style="list-style-type: none">- Phan Quốc Thích - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải;- Trần Văn Thức - Trưởng phòng Kỹ thuật - Khai thác;- Nguyễn Văn Nguyên - Trưởng phòng An toàn - BHLĐ;- Nguyễn Duy Hào - Quản đốc phân xưởng VTG2. <p>Lý do: Công tác kiểm tra nắm bắt hiện trường chưa sâu sát, chỉ đạo cán bộ nhân viên chưa tốt, chưa đạt hiệu quả; công tác chỉ đạo nắm bắt các vị trí xung yếu để kiểm tra chấn chỉnh chưa kịp thời còn hạn chế; chưa kịp thời xử lý các tồn tại trong hiện trường sản xuất dẫn đến để xảy ra 02 vụ tai nạn lao động nghiêm trọng ngày 09/10/04/2016.</p> <p>2. Công tác cán bộ:</p>



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<p>a) Điều động ông Trần Viết Vũ - Quản đốc phân xưởng K11 giữ chức vụ Quản đốc phân xưởng Đ1;</p> <p>b) Điều động ông Phạm Văn Chương - Quản đốc phân xưởng KT11 giữ chức vụ Quản đốc phân xưởng KT 12;</p> <p>c) Điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Quản đốc phân xưởng KT12 đối với ông Phan Minh Thủy - Phó phòng Kỹ thuật khai thác.</p> <p>d) Bổ nhiệm chức vụ Quản đốc phân xưởng K11 đối với ông Đinh Hồng Quảng - Phó quản đốc phân xưởng K11;</p> <p>đ) Bổ nhiệm chức vụ Quản đốc phân xưởng KT14 đối với ông Đàm Hữu Thắng - Phó Quản đốc phân xưởng KT14.</p>
11	10 /2016/NQ-HĐQT	21/04/2016	<p>1. Điều động và bổ nhiệm Ông: Nguyễn Văn Dũng – Trưởng phòng Kế hoạch giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần than Vàng Danh – Vinacomin;</p> <p>2. Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch đối với Ông: Vũ Bình Ty (thay ông Nguyễn Văn Dũng - Trưởng phòng Kế hoạch được điều động nhận nhiệm vụ khác).</p>
12	11 /2016/NQ-HĐQT	26/04/2016	<p>Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu số 31 - Gói EPC thiết kế BVTC, cung cấp vật tư thiết bị và xây lắp công trình tuyến băng tải từ lò giếng Cánh gà về Nhà máy tuyển than Vàng Danh 2 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2 - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin (dự án điều chỉnh)</p>
13	12 /2016/NQ-HĐQT	26/04/2016	<p>Ban hành Hệ thống Thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin</p>
14	13 /2016/NQ-	12/05/2016	<p>Ủy quyền cho Giám đốc Công ty chủ động cơ cấu, gia hạn nợ với các tổ chức tín dụng.</p>



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
	HDQT		
15	14/2016/NQ-HDQT	12/05/2016	1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 23: Máy xúc lật bánh hơi và gói thầu số 26: Thiết bị xưởng sửa chữa cơ điện gồm các thiết bị cơ, thiết bị điện thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2 - Công ty cổ phần Than Vàng Danh - TKV (dự án điều chỉnh);
16	15/2016/NQ-HDQT	22/06/2016	1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 18: Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 18: Băng tải cao su B800 (02 bộ, L1 = 358m, P=75kW; L2 = 712m, P=132 kW) có liên động tự động hóa điều khiển tuyến vận tải băng tải, thuộc dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0 ÷ - 175 khu Vàng Danh - Mỏ than Vàng Danh; 2. Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng K3 đối với ông Phạm Văn Bình.
17.	16/2016/NQ-HDQT	05/07/2016	Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định công tác tổ chức và cán bộ của Công ty: - Thi hành kỷ luật cán bộ: Cách chức Quản đốc phân xưởng KT2 đối với ông Nguyễn Văn Chiến. Lý do: Thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý, hàng ngày ký duyệt báo cáo sau ca nhưng không kiểm tra, phát hiện sai phạm của các phó quản đốc về việc trả lương không đúng quy định; chưa hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao. - Công tác cán bộ: + Điều động ông Trần Văn Hậu - Quản đốc phân xưởng KT5 giữ chức vụ Quản đốc phân xưởng KT2; + Bổ nhiệm chức vụ Quản đốc phân xưởng KT5 đối với ông Lê Anh - Phó quản đốc phân xưởng K6;



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<p>+ Bỏ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng KT8 đối với ông Lê Minh Hùng.</p> <p>+ Bỏ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng KT15 đối với ông Nguyễn Đức Nghiệp.</p> <p>+ Bỏ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng Thông gió, do khí mỏ đối với ông Bùi Đoàn Hoàng.</p>
18.	17/2016/NQ-HDQT	08/07/2016	<p>1. Phê duyệt dự kiến thực hiện kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm 2016 và Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III - 9 tháng năm 2016;</p> <p>2. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 21: Tủ phân phối trung áp U đm = 7,2 kV (13 cái) thuộc dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0 ÷ -175 khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh.</p>
19.	18/2016/NQ-HDQT	28/07/2016	<p>1. Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách đối với ông Phạm Văn Chương - Quản đốc phân xưởng KT12.</p> <p>Lý do: Chưa chỉ đạo thực hiện đúng yêu cầu của biện pháp thi công đã được Giám đốc Công ty phê duyệt.</p> <p>2. Thông qua đề Giám đốc Công ty Quyết định:</p> <p>a) Giải thể phân xưởng khai thác 12;</p> <p>b) Miễn nhiệm chức vụ quản đốc phân xưởng khai thác 12 đối với ông Phạm Văn Chương.</p>
20.	19/2016/NQ-HDQT	25/08/2016	<p>1. Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định kéo dài thời gian bổ nhiệm lần trước kể từ ngày 01/09/2016 đến thời điểm nghỉ hưu đối với ông Nguyễn Hữu Phương - Quản đốc phân xưởng K5;</p> <p>2. Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định:</p> <p>a) Giải thể phân xưởng K6;</p> <p>b) Điều động ông Nguyễn Hồng Hải -</p>



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			Quản đốc phân xưởng K6 giữ chức vụ Quản đốc phân xưởng K5 thay ông Nguyễn Hữu Phương - Quản đốc phân xưởng K5 chờ nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/09/2016.
21.	20/2016/NQ-HDQT	29/08/2016	<p>Phê duyệt điều bổ sung hạng mục công trình vào dự án và phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình nhà máy sàng tuyển Vàng Danh 2 - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV (dự án điều chỉnh), cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none">Bổ sung hạng mục công trình hệ thống phòng cháy chữa cháy vào dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2 - Công ty cổ phần Than Vàng Danh - TKV (dự án điều chỉnh).Bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu số 32: Thi công hệ thống phòng cháy, chữa cháy công trình Nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2;Lý do bổ sung: Do dự án ban đầu chưa đề cập và tính thiếu nội dung về phòng cháy, chữa cháy cho công trình, cần thiết phải bổ sung vào dự án để triển khai xây lắp công trình theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy công trình.
22.	21/2016/NQ-HDQT	20/09/2016	<ol style="list-style-type: none">Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 8b: Áp tô mát phòng nổ các loại (34 cái) và gói thầu số 23b: Trạm biến áp trọn bộ di động phòng nổ (02 cái); gói thầu số 08: Máy biến áp khoan (16 cái) thuộc dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0/-175 khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh;Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 02: Chi phí kiểm toán, thuộc dự án Đầu tư cải tạo, mở rộng khai thác than hầm lò tầng lò giếng mức +0/+105 khu Trung tâm Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh (điều chỉnh);Phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<p>nhà thầu cho gói thầu số 01B: Giám sát thi công xây dựng các hạng mục đường lò XDCB điều chỉnh, bổ sung của dự án Đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0/-175 khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh.</p>
	<p>22/2016/NQ- HDQT</p>	<p>04/10/2016</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua danh sách quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp công ty giai đoạn 2016÷ 2020; 2. Thông qua Quy chế đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của Công ty; 3. Thông qua Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty; 4. Phê duyệt kết quả sản xuất kinh doanh quý III, 09 tháng năm 2016; Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV năm 2016; 5. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017; 6. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 11: Mua sắm hệ thống thiết bị, vật tư chống giữ lò chợ cơ giới hóa đồng bộ cho các vỉa than dày, thoải thuộc dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0/-175 khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh; 7. Thông qua công tác cán bộ của Công ty: <ol style="list-style-type: none"> a) Bổ nhiệm lại chức vụ quản đốc phân xưởng K1 đối với ông Đỗ Văn Nham; b) Bổ nhiệm chức vụ quản đốc phân xưởng KT7 đối với ông Đỗ Văn Tĩnh - Quyền Quản đốc phân xưởng KT7 (thay ông Nguyễn Thái Học - Quản đốc phân xưởng KT7 nghỉ chờ giải quyết chế độ hưu trí).
<p>23.</p>	<p>23/2016/NQ- HDQT</p>	<p>12/10/2016</p>	<p>Phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu lần 2 gói thầu số 11: Mua sắm hệ thống thiết bị vật tư chống giữ lò chợ cơ giới hóa đồng bộ cho các vỉa than dày, thoải thuộc dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0/-175 khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh.</p>
<p>24.</p>	<p>24/2016/NQ-</p>	<p>26/10/2016</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phê duyệt điều chỉnh đầu tư XDCB lò



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
	HDQT		chợ I-7-2 thay thế lò chợ I-8-2 thuộc dự án Đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0/-175 khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh; 2. Thông qua Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin; 3. Thông qua Quy chế quản lý Tài chính trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.
25.	25/2016/NQ-HDQT	28/10/2016	1. Quyết định bổ nhiệm lại ông Trịnh Văn An giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty; 2. Bổ nhiệm lại Bà Trần Thị Kim Oanh giữ chức vụ Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế và Kiểm toán nội bộ Công ty; 3. Bổ nhiệm ông Trần Văn Hạnh giữ chức vụ Trưởng phòng Trắc địa - Địa chất (thay ông Nguyễn Thế Dũng nghỉ chờ giải quyết chế độ hưu trí); 4. Điều động và bổ nhiệm ông Phạm Thế Hưng, Phó phòng Cơ điện - Vận tải giữ chức vụ Quản đốc phân xưởng Vận tải lò (thay ông Nguyễn Thế Giới nghỉ chờ giải quyết chế độ hưu trí)
26.	26/2016/NQ-HDQT	25/11/2016	Để làm rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan, trách nhiệm của các tập thể, cá nhân liên quan đến quá trình thực hiện dự án đầu tư khai thác phần lò giếng Cánh gà dẫn đến không đảm bảo công suất thiết kế, tiến độ thực hiện dự án. Hội đồng quản trị yêu cầu các tập thể và cá nhân sau tiến hành kiểm điểm trách nhiệm liên quan đến dự án: 1. Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể Hội đồng quản trị; 2. Kiểm điểm trách nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị 3. Kiểm điểm trách nhiệm của Giám đốc Công ty



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<p>4. Kiểm điểm trách nhiệm của Phó Giám đốc Công ty phụ trách công tác đầu tư;</p> <p>5. Kiểm điểm trách nhiệm của các trưởng phòng: ĐTM; CV; KTKT; TĐ-ĐC</p>
27.	27/2016/NQ-HDQT	28/11/2016	<p>1. Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân theo Nghị quyết số 25/2016/NQ-HDQT ngày 25/11/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Tập thể Hội đồng quản trị Công ty;</p> <p>b) Cá nhân các thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách công tác đầu tư của Công ty</p> <p>d) Các trưởng phòng: ĐTM; CV; KTKT; TĐ-ĐC.</p> <p>2. Hình thức xử lý:</p> <p>a) Tập thể Hội đồng quản trị: Rút kinh nghiệm</p> <p>b) Các cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông Phạm Trung Tuấn - Chủ tịch HĐQT: Kiểm điểm rút kinh nghiệm. - Ông Phan Xuân Thủy - Thành viên HĐQT, Giám đốc: Kiểm điểm rút kinh nghiệm. - Ông Nguyễn Tiến Phụng - Thành viên HĐQT, P. Giám đốc phụ trách đầu tư: Kiểm điểm rút kinh nghiệm. - Ông Trịnh Xuân Thòa - Thành viên HĐQT: Kiểm điểm rút kinh nghiệm. - Ông Vũ Đình Việt - Thành viên HĐQT: Kiểm điểm rút kinh nghiệm. - Ông Dương Đình Thoại - Trưởng phòng ĐTM: Kiểm điểm rút kinh nghiệm. - Ông Phan Quốc Thích - Trưởng phòng



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			CV: Kiểm điểm rút kinh nghiệm. - Ông Trần Văn Thúc - Trưởng phòng KTKT: Kiểm điểm rút kinh nghiệm. - Ông Trần Văn Hạnh - Trưởng phòng TĐ-ĐC: Kiểm điểm rút kinh nghiệm.
28.	28/2016/NQ-HDQT	12/12/2016	Thông qua nhận xét đánh giá phân loại cán bộ quản lý Công ty năm 2016, bao gồm các chức danh: Thành viên HĐQT, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng Ban kiểm soát, Trưởng phòng, Trưởng trạm y tế và quản đốc các đơn vị trong Công ty.
29.	29/2016/NQ-HDQT	15/12/2016	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng lao động, đơn giá tiền lương, tiền lương người quản lý Công ty năm 2016.
30.	30/2016/NQ-HDQT	28/12/2016	1. Phê duyệt dự kiến kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty; 2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 (đã được TKV thống nhất); 3. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I năm 2017; 4. Phê duyệt duyệt giao tài nguyên và kế hoạch khai thác năm 2017 cho các đơn vị nhận thầu khai thác than;

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban Kiểm Soát
2	Phùng Thế Anh	Thành viên Ban Kiểm Soát
3	Nguyễn Thị Luyến	Thành viên Ban Kiểm Soát

❖ BÀ: TRẦN THỊ VÂN ANH - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	01/06/1969



- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100483675 Cấp ngày 12/06/2006; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Phường Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:	
✓ 1989 - 1993	Nhân viên trường Công nhân Hữu Nghị Việt Xô
✓ 1994 - 1999	Nhân viên Kế toán Mỏ than Yên Tử, Uông Bí, Quảng Ninh
✓ 2000 - 03/2001	Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán Mỏ than Nam Mẫu
✓ 04/2001 - 09/2004	Phó phòng Kế toán tài chính Mỏ than Nam Mẫu
✓ 10/2004 - 04/2006	Phó phòng TKKTTC Xí nghiệp Than Nam Mẫu
✓ 05/2006 - 07/2006	Trưởng phòng TKKTTC Công ty TNHH MTV than Nam mẫu
✓ 08/2006 – 12/2010	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV than Nam Mẫu
✓ 2011 – 03/2016	Kế toán trưởng Công ty than Nam Mẫu - TKV
✓ 04/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần

❖ ÔNG: PHÙNG THẾ ANH - UV BAN KIỂM SOÁT

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	15/01/1974
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100626577
- Dân tộc:	Kinh



- Địa chỉ thường trú:	Phương Đông, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế quản trị doanh nghiệp
- Quá trình công tác:	
✓ 10/1994-01/2005	Công nhân cơ điện Phân xưởng KT2, VT56, VTG
✓ 02/2005-24/04/2013	Nhân viên Phòng Kế hoạch
✓ 25/4/2013 đến nay	Nhân viên Phòng Kế hoạch, kiêm UV Ban KS
Số cổ phần nắm giữ	2.177

❖ BÀ: NGUYỄN THỊ LUYẾN - UV BAN KIỂM SOÁT

- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	24/08/1963
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100331250 Cấp ngày 15/7/2011; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 1, Khu 6, Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế mỏ
- Quá trình công tác:	
✓ 2/1987 – 10/2006	Nhân viên Phòng TK-KT-TC Công ty than Vàng Danh
✓ 11/2006 – 6/2008	Nhân viên Phòng Đầu tư xây dựng &MT Công ty than Vàng Danh
✓ 7/2008 – 20/4/2011	Ủy viên Ban Kiểm soát, Nhân viên Phòng ĐTXD&MT Công ty CP Than Vàng Danh – TKV
✓ 21/4/2011 đến nay	Ủy viên Ban Kiểm soát, Nhân viên Phòng ĐTXD&MT Công ty CP Than Vàng Danh – Vinacomin



CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH – VINACOMIN

Số 185 Nguyễn Văn Cừ, Phường Vàng Danh, Ưông Bí, Quảng Ninh

Điện thoại: (84-33) 3853 108; Fax: (84-33) 3853 120;

Website: www.vangdanhcoal.com.vn

Số cổ phần nắm giữ

6.996 cổ phần

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2016 Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình theo Quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban.

Đã tổ chức 04 cuộc họp của ban kiểm soát để:

Giám sát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT, thông qua việc thực thi các văn bản quản lý của Nhà nước, Tập đoàn, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty thông qua việc thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc Công ty với Tập đoàn; việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các văn bản quản lý khác của Nhà Nước và Tập đoàn.

- Kiểm soát việc xây dựng, tổ chức thực hiện các văn bản quản lý nội bộ để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Giám sát việc thực thi pháp luật và công bố thông tin của Công ty theo quy định.

- Thẩm định Báo cáo tài chính quý và năm; Báo cáo công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty, trình HĐQT Tập đoàn, Đại hội đồng Cổ đông Công ty và các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Giám sát việc phối hợp lãnh đạo Công ty thông qua Nghị quyết liên tịch giữa Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

- Xem xét tính hợp lý của việc huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực: Tài sản, vật tư, tiền vốn, tuyển dụng, sử dụng và chế độ của người lao động;

- Giám sát Ban Giám đốc Công ty trong việc thực thi những kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kiểm soát nội bộ...

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán, xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty (khi được mời) với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác; Trao đổi và tham gia ý kiến thẳng thắn, trung thực với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

- Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty và các Cổ đông.

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị: